

Bản án số 182/2019/HC-PT
Ngày 16/10/2019
Về “*Khiếu kiện quyết định giải
quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản
lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: Bà Lê Thúy Cầu, ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 165/2019/TLPT-HC ngày 09/7/2019 về “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2019/HC-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1290/2019/QĐ-PT ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1967;

Địa chỉ: 81 đường T, thị trấn D, huyện T1, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K là ông Luật sư Lê Hoài S, thuộc Văn phòng Luật sư Lê Trung S - Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định; Luật sư S có mặt

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định;

Người đại diện theo Văn bản ủy quyền số 17/GUQ-UBND ngày 09/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định là ông Phan Cao Th (Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định), ông Th có văn bản số 6069/UBND-TD ngày 09/10/2019 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Bình Định;

Ông Nguyễn Đình Th1 - Chủ tịch UBND huyện T1 có đơn đề ngày 03/10/2019 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Bình Định:

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn Th2 (Chủ tịch UBND thị trấn T1, huyện T1), có đơn đề ngày 03/10/2019 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3.3. Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quốc lộ 1A, huyện T1, tỉnh Bình Định;

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn Th3 (Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T1, tỉnh Bình Định), có đơn đề ngày 03/10/2019 nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn K - Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2018 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn K trình bày:

Nguyên thửa đất số 445, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.510m², loại đất màu do ông K đang quản lý sử dụng là của cha mẹ ông K sử dụng từ năm 1973, đến năm 2002 thì ông K tiếp quản, quản lý sử dụng đến nay. Theo sơ đồ địa chính lập năm 1993 có số thửa là 462, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.510m², nằm trên tuyến đường QL1A và tuyến đường sắt. Năm 2014, Nhà nước nâng cấp và mở rộng QL1A tiến hành giải phóng mặt bằng và đền bù cho các hộ dân, nhưng riêng gia đình ông K thì không được đền bù mà UBND ra thông báo di dời rồi tiến hành cưỡng chế. Sau đó, gia đình ông K làm đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 5920/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 về giải quyết đơn khiếu nại, nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông K. Không đồng ý với Quyết định của Chủ tịch UBND huyện T1, ông K khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định nên ngày 22/4/2016 Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 1344/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại, nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông K. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định nên ông K khởi kiện yêu cầu: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết hủy Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

- Người bị kiện là đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định trình bày:

Nguồn gốc đất ông K khiếu nại đòi, tuy cụ Nguyễn Hoàng T2 là cha ruột của ông K sử dụng trước năm 1975, nhưng cụ T2 không có giấy tờ chứng minh là đất cha mẹ cụ T2 để lại cho cụ T2; còn Giấy xin tăng gia sản xuất trên khoảng vườn còn thừa sau khi làm đường hỏa xa và Quốc lộ 19 được Ủy ban hành chính xã P (chế độ Việt Nam cộng hòa) xác nhận, thì đây không phải là một trong các loại giấy tờ hợp lệ theo quy định của pháp luật đất đai. Theo bản đồ địa chính và Sổ mục kê lập theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ thì khoảnh đất ông K khiếu nại thửa đất số 445, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.296m² loại đất màu do Hợp tác xã nông nghiệp II P sử dụng. Theo Sổ mục kê và Bản đồ địa chính lập năm 1993, thửa đất trên được đổi thành thửa đất số 462, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.510m² loại đất hoang do UBND thị trấn T1 quản lý. Theo Bản đồ địa chính do dự án VLAP lập năm 2013, thửa đất trên thuộc tờ bản đồ số 04 thị trấn T1, là đất hành lang an toàn giao thông đường sắt và Quốc lộ 1A. Từ năm 1980 đến nay thửa đất trên do Nhà nước quản lý không giao cho ai sử dụng nay là đất trống, không có vật kiến trúc và các công trình xây dựng trên đất. Ông Nguyễn Văn K khiếu nại đòi lại diện tích đất này nên ngày 25/12/2015 Chủ tịch UBND huyện T1 ra Quyết định số 5920/QĐ-UBND, nội dung không công nhận khiếu nại của ông K

vì theo khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013: “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ công hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Không đồng ý với kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND huyện T1, ông K khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh, đối thoại ngày 22/4/2016 Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 1344/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông K vì phần diện tích mà ông K khiếu nại tọa lạc tại thôn Mỹ Điền, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Bình Định là đất hành lang an toàn giao thông đường sắt và Quốc lộ 1A, do Nhà nước quản lý từ năm 1980 đến nay, không giao cho ai sử dụng, đồng thời ông K không có giấy tờ hợp lệ theo quy định của pháp luật đất đai để chứng minh phần diện tích đất nêu trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông K và thực tế gia đình ông K không sử dụng diện tích đất này. Do đó, nay ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định là không có cơ sở, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông K.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Bình Định thống nhất với trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, không bổ sung thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn T1, tỉnh Bình Định thống nhất với trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, không bổ sung thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Quốc lộ 1A, thống nhất với trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, không bổ sung thêm.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2019/HC-ST ngày 29/5/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

+ Căn cứ Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

+ Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Thông tư số 60/2014/TT-BCA ngày 18/11/2014 của Bộ Công an.

+ Căn cứ Điều 29 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 08191 ngày 30/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

- Ngày 10/6/2019, ông Nguyễn Văn K có Đơn kháng cáo, ngày 24/7/2019 ông K có đơn kháng cáo bổ sung đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Ông hủy Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định với lý do:

(i). Ông xuất trình **Trích yếu** lập ngày 10/3/1973 được Ấp trưởng thôn Mỹ Điền và Xã trưởng xã P thị thực ngày 12/3/1973 cùng với xác nhận của nhiều người dân sống tại địa phương chứng minh nguồn gốc mảnh đất này cha mẹ của Ông tạo lập từ trước năm 1973. Sau giải phóng gia đình Ông vẫn tiếp tục sử dụng, không đưa vào HTX nông nghiệp; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không lấy lời khai những người này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

(ii). Tòa sơ thẩm viện dẫn “Theo bản đồ địa chính và Sổ mục kê lập theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ thì khoảnh đất ông K khiếu nại...là loại đất màu do Hợp tác xã nông nghiệp II P sử dụng và theo Sổ mục kê và bản đồ địa chính lập năm 1993, thửa đất 462, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.510m², bỏ hoang do UBND thị trấn T1 quản lý”. Trong khi, theo Sổ mục kê và Bản đồ địa chính lập năm 1993 mà UBND thị trấn T1 cung cấp cho Ông thể hiện: Số thửa 462, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.510m² “Chưa PP sử dụng, loại đất Hg”. Như vậy, **Trích yếu** lập ngày 10/3/1973 do Ông cung cấp (được Ấp trưởng, Xã trưởng thị thực) và xác nhận của nhiều người dân sống tại địa phương đã thể hiện, xác định nguồn gốc mảnh đất này do cha mẹ của Ông tạo lập trước năm 1973, sử dụng liên tục sau năm 1975 đến khi bị giải tỏa là phù hợp với Sổ mục kê và Bản đồ địa chính lập năm 1993 mà UBND thị trấn T1 cung cấp cho Ông; do đó, gia đình Ông phải được bồi thường hỗ trợ về đất khi nhà nước thực hiện Dự án mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1A mới đúng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

+ Người khởi kiện (ông Nguyễn Văn K) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu nêu trong đơn kháng cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính;

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp phúc thẩm đã giải quyết đúng nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, giữ nguyên bản án sơ thẩm

- Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, căn cứ đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về sự vắng mặt của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cấp phúc thẩm xét thấy: Phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ nhất vào ngày 09/9/2019 Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa vì người bị kiện vắng mặt

không rõ lý do; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Phiên tòa phúc thẩm mở ngày hôm nay là mở lần thứ hai thì người bị kiện đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; còn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; người khởi kiện, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

[2]. Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện và tư cách người tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết hủy Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định; đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, 32 Luật tố tụng hành chính 2015 về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết. Vào các ngày 12/7/2018 và 20/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định nhận được Đơn khởi kiện và Đơn khởi kiện bổ sung của ông K yêu cầu hủy quyết định hành chính nêu trên là trong thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính 2015. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xác định ông Nguyễn Văn K là người khởi kiện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định là người bị kiện và xác định một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại các Điều 59, 60 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3]. Xét tính hợp pháp về hình thức; thẩm quyền ban hành; trình tự, thủ tục ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5920/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện T1, Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1344/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, cấp phúc thẩm thấy rằng:

[3.1]. Về hình thức thì Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5920/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện T1, Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1344/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định có hình thức văn bản đúng quy định tại Điều 31, Điều 40 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 ban hành kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCA ngày 18/11/2014 của Bộ Công an.

[3.2]. Về thẩm quyền ban hành thì Chủ tịch UBND huyện T1 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5920/QĐ-UBND ngày 25/12/2015; ông K khiếu nại nên Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1344/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 là đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011.

[3.3]. Về trình tự, thủ tục ban hành thì Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5920/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện T1, Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1344/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định được ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa

phương ngày 19/6/2015; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

[3.4]. Về thời hiệu, thời hạn ban hành thì Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5920/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện T1, Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1344/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định được ban hành đúng quy định tại của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011.

[4]. Xét tính hợp pháp, tính có căn cứ đối với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5920/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện T1, Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1344/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, cấp phúc thẩm thấy rằng: Ông K khiếu nại cho rằng diện tích đất nằm sát tuyến đường Quốc lộ QL1A và đường sắt, thuộc thôn Mỹ Điền, thị trấn T1, huyện T1 (hiện thuộc thửa đất số 462, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.510m²) có nguồn gốc là đất của cụ Nguyễn Hoàng T2 (cụ T2 là cha ông K) được cha mẹ để lại. Sau khi chế độ cũ chiếm đất, đổ đường hỏa xa và Quốc lộ còn thừa lại thì cụ T2 viết *Giấy xin tăng gia sản xuất* diện tích đất thừa này, được chính quyền chế độ cũ cho phép. Năm 2014, Nhà nước mở rộng QL1A tiến hành giải phóng mặt bằng và đền bù cho các hộ dân khác, nhưng không đền bù cho gia đình Ông mà ban hành thông báo di dời rồi tiến hành cưỡng chế. Ông K khiếu nại thì Chủ tịch UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 5920/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 không chấp nhận khiếu nại của ông K; ông K tiếp tục khiếu nại thì Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1344/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 không chấp nhận khiếu nại của ông K, giữ nguyên Quyết định số 5920/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện T1 nên ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, đồng thời yêu cầu hủy Quyết định số 5920/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện T1, xét:

[4.1]. Ông K cho rằng căn cứ nội dung *Giấy xin tăng gia sản xuất* đề ngày 10/3/1973 do cụ T2 (cha của ông K) viết được chính quyền chế độ cũ xác nhận thì cụ T2 được thừa hưởng mảnh vườn do cha mẹ để lại. Tuy nhiên, ông K không được cụ T2 bàn giao tài liệu nào của chế độ cũ xác nhận cha mẹ cụ T2 có quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất này; nội dung *Giấy xin tăng gia sản xuất* cụ T2 cũng không nêu rõ cha mẹ cụ T2 được chế độ cũ cấp Giấy tờ gì công nhận có quyền sử dụng diện tích đất này; mặt khác, nội dung *Giấy xin tăng gia sản xuất* lại nêu khu đất của cha mẹ cụ T2 (nếu có quyền sử dụng) bị chính quyền chế độ cũ sử dụng làm đường hỏa xa và quốc lộ “còn thừa” và Chủ tịch Hội đồng xã Phước P chỉ duyệt “*việc đương sự xin khai phá làm ăn, không có gì trở ngại*”; như vậy, không đủ cơ sở xác định cha mẹ cụ T2 và cụ T2 được chính quyền chế độ cũ công nhận có quyền sử dụng diện tích đất này.

[4.2]. *Bản đồ địa chính* và *Sổ mục kê* lập theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ thì khoảnh đất ông K khiếu nại thuộc thửa

đất số 445, tờ bản đồ 06, diện tích 1.296m² loại “đất màu” do Hợp tác xã nông nghiệp II P sử dụng. *Sổ mục kê* và *Bản đồ địa chính* lập năm 1993, thửa đất trên được đổi thành thửa số 462, tờ bản đồ 01, diện tích 1.510m² loại “đất hoang” do UBND thị trấn T1 quản lý. *Bản đồ địa chính* do dự án VLAP lập năm 2013, thửa đất trên thuộc tờ bản đồ số 04 thị trấn T1, là “đất hành lang an toàn giao thông đường sắt và quốc lộ 1A”. Như vậy, khu đất ông K khiếu nại theo hồ sơ quản lý qua các thời kỳ thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước thì ông K không kê khai quản lý, sử dụng mà thuộc đất công cộng, do Nhà nước quản lý và hiện tại là đất trống, không có công trình, vật kiến trúc trên đất.

Từ [4.1] và [4.2] nêu trên, cấp phúc thẩm thấy khiếu nại của ông K đòi diện tích đất nêu trên (tại thôn Mỹ Điền, thị trấn T1) vì cho rằng là đất ông bà cha mẹ để lại là không có cơ sở; theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, hướng dẫn tại Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013 thì diện tích đất ông K khiếu nại cũng không thuộc đối tượng được Nhà nước bồi thường hỗ trợ về đất khi thực hiện Dự án mở rộng quốc lộ 1A; do đó, Chủ tịch UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 5920/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 không chấp nhận khiếu nại của ông K về yêu cầu được đền bù, hỗ trợ diện tích đất nêu trên là có cơ sở, đúng pháp luật. Ông K khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1344/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 không chấp nhận khiếu nại của ông K, giữ nguyên Quyết định số 5920/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện T1 là có căn cứ, hợp pháp.

[5]. Từ các tài liệu, phân tích tại các luận điểm nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; ông K kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 349 Luật tổ tụng hành chính 2015 tuyên xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2019/HC-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định cụ thể:

Căn cứ Điều 30; 32; 116; 157; 158; khoản 1 điểm a, khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai năm 2003; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Thông tư số 60/2014/TT-BCA ngày 18/11/2014 của Bộ Công an; Điều 29 Luật tổ tụng hành chính và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08191 ngày 30/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

II/ Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông K đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00003658 ngày 20/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định thì ông K đã nộp xong khoản tiền này.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân